

Bản án số: 252/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng Xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Ngày 27 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số 108B, Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Phương Q, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số 108B, Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà T xin vắng mặt; Ông Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 06 tháng 5 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Phương Q chung sống với nhau vào năm 1988, đến năm 2008 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Đức Hòa ngày 15 tháng 7 năm 2008. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà T khai, bà T và ông Q chung sống có 03 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1991; Võ Ngọc Huỳnh L, sinh ngày

15 tháng 7 năm 1997 và Võ Thành K, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông V ỡ Phương Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Q không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông Q về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông V ỡ Ph ương Q có đăng ký hộ khẩu trú tại số 108B, Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an thị trấn H ngày 05 tháng 5 năm 2021) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xin vắng mặt và bị đơn ông Võ Phương Q vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Phương Q chung sống với nhau vào năm 1988, đến năm 2008 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Đức Hòa ngày 15 tháng 7 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T và ông Q chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tha thiết xin được ly hôn với ông Q. Ngược lại, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa để thể hiện ý chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T khai, bà T và ông Q chung sống có 03 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1991; Võ Ngọc Huỳnh L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1997 và Võ Thành K, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Võ Phương Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Phương Q.

- Về con chung: Bà T khai, bà T và ông Q chung sống có 03 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1991; Võ Ngọc Huỳnh L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1997 và Võ Thành K, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 10208 ngày 06 tháng 5

năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND thị trấn H,
huyện Đức Hòa, tỉnh Long an
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp